

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH NHIỄM GIUN SÁN ĐƯỜNG TIÊU HÓA Ở GÀ GIẾT MỔ TẠI PHƯỜNG BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Hoan*

Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn, 215 Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: tothihoan@gmail.com.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 03/8/2025
Ngày hoàn thiện: 20/8/2025
Ngày chấp nhận: 26/8/2025
Ngày đăng: 05/9/2025

TỪ KHÓA

Giun sán đường tiêu hóa,
Gà giết mổ,
Ascaridia galli,
Tỷ lệ nhiễm,
Bình Thạnh.

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ, cường độ, thành phần loài giun sán đường tiêu hóa và các yếu tố liên quan ở gà giết mổ tại phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 235 gà được lấy từ 5 cơ sở giết mổ từ tháng 8-11/2025. Mổ khám toàn bộ đường tiêu hóa, thu thập, định danh giun sán dựa trên hình thái học, đồng thời ghi nhận lâm sàng, bệnh tích và các yếu tố dịch tễ. Kết quả: Tỷ lệ nhiễm chung là 74,9% (176/235). Gà thả vườn nhiễm cao hơn gà công nghiệp (82,6% so với 60,0%, $p<0,05$). Mười loài giun sán được ghi nhận, trong đó *Ascaridia galli* (38,6%), *Heterakis gallinarum* (33,5%) và *Raillietina tetragona* (19,9%) phổ biến nhất. Nhiễm hỗn hợp nhiều loài chiếm 51,1%. Tỷ lệ nhiễm cao hơn ở gà mái (80,0% so với 69,1%), nhóm tuổi 6-9 tháng (78,8%) và vào mùa mưa (83,3% so với 66,1%, $p<0,01$). Các bệnh tích chính gồm viêm ruột non (53,4%), viêm manh tràng (44,3%). Kết luận: Tỷ lệ nhiễm giun sán đường tiêu hóa ở gà giết mổ tại Bình Thạnh rất cao. Cần áp dụng các biện pháp kiểm soát tổng hợp: tẩy giun định kỳ, vệ sinh chuồng trại, kiểm soát giết mổ và nâng cao nhận thức cộng đồng.

STUDY ON GASTROINTESTINAL HELMINTH INFECTION IN SLAUGHTERED CHICKENS AT BINH THANH WARD, HO CHI MINH CITY

Thi Hoan To*

Sai Gon Colleges of Pharmacy, 215 No Trang Long Street, Binh Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

*Corresponding Author: tothihoan@gmail.com.vn

ARTICLE INFO

Received: Aug 03rd, 2025
Revised: Aug 20th, 2025
Accepted: Aug 26th, 2025
Published: Sep 5th, 2025

KEYWORDS

Gastrointestinal helminths,
Slaughtered chickens,
Ascaridia galli,
Prevalence,
Binh Thanh.

ABSTRACT

Objective: To determine the prevalence, intensity, species composition of gastrointestinal helminths and associated factors in slaughtered chickens at Binh Thanh ward, Ho Chi Minh City. Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 235 chickens from 5 slaughterhouses between August-November 2025. Complete necropsy of the digestive tract was performed. Helminths were collected, identified based on morphology. Clinical signs, gross lesions, and epidemiological factors were recorded. Results: The overall prevalence was 74.9% (176/235). Free-range chickens had higher infection rates (82.6%) than industrial ones (60.0%) ($p<0.05$). Ten helminth species were identified, with *Ascaridia galli* (38.6%), *Heterakis gallinarum* (33.5%), and *Raillietina tetragona* (19.9%) being most common. Mixed infections accounted for 51.1%. Prevalence was higher in females (80.0% vs. 69.1%), in the 6-9 month age group (78.8%), and during the rainy season (83.3% vs. 66.1%, $p<0.01$). Main gross lesions included enteritis (53.4%) and typhlitis (44.3%). Conclusion: The prevalence of gastrointestinal helminths in slaughtered chickens at Binh Thanh is very high. Integrated control measures including regular deworming, sanitation, slaughterhouse control, and community awareness should be implemented.

1. Đặt vấn đề

Chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là gà, tại Thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm ngày càng cao [1]. Phường Bình Thạnh là một trong những khu vực có lượng tiêu thụ thịt gà lớn với nhiều cơ sở giết mổ và chợ dân sinh. Tuy nhiên, bệnh giun sán đường tiêu hóa ở gà gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe vật nuôi, làm giảm tăng trọng, giảm năng suất trứng, tăng tỷ lệ chết và gây thiệt hại kinh tế đáng kể [2, 3]. Một số loài như *Ascaridia galli*, *Heterakis gallinarum*, *Raillietina* spp. gây viêm loét niêm mạc ruột, rối loạn hấp thu, suy nhược và tạo điều kiện cho bệnh khác bội nhiễm [4, 5]. Ngoài ra, mặc dù giun sán ở gà không trực tiếp gây bệnh cho người, nhưng sản phẩm từ gà nhiễm ký sinh trùng tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm nếu không được chế biến đúng cách [6].

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã ghi nhận tỷ lệ nhiễm giun sán cao ở gà, dao động từ 25,9% đến 95,9% tùy theo vùng và phương thức chăn nuôi [7, 8, 9]. Các yếu tố như tuổi, giới tính, mùa vụ, phương thức nuôi (thả vườn, công nghiệp), điều kiện vệ sinh có liên quan chặt chẽ đến tình trạng nhiễm [10, 11, 12]. Tuy nhiên, tại phường Bình Thạnh và khu vực TP. Hồ Chí Minh, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về tình hình nhiễm giun sán ở gà giết mổ, cũng như mối liên hệ với các yếu tố nguy cơ tại các cơ sở giết mổ. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho công tác kiểm soát bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm và nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

2. Mục tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

2.1 Mục tiêu

Xác định tỷ lệ và cường độ nhiễm giun sán đường tiêu hóa ở gà giết mổ tại phường Bình Thạnh.

Xác định thành phần loài giun sán ký sinh ở gà.

Phân tích mối liên quan giữa tỷ lệ nhiễm với các yếu tố: cơ sở giết mổ, loại gà (phương thức nuôi), giới tính, nhóm tuổi, mùa vụ.

Mô tả một số triệu chứng lâm sàng và bệnh tích đại thể ở gà nhiễm giun sán.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Thời gian và địa điểm: Từ tháng 8 đến tháng 11/2025 tại 5 cơ sở giết mổ (2 cơ sở tập trung: Xuyên Á, Bình Chánh; 3 chợ dân sinh: Bà Chiểu, Thanh Đa, Văn Thánh) thuộc phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Xử lý mẫu tại Phòng thực hành Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn.

Cỡ mẫu và chọn mẫu: 235 gà thương phẩm được chọn thuận tiện từ các lô gà giết mổ tại 5 điểm nghiên cứu, đảm bảo đa dạng về nguồn gốc (gà công nghiệp, gà thả vườn, gà lai), giới tính, nhóm tuổi (3-5, 6-9, ≥10 tháng).

Thu thập mẫu và phương pháp mổ khám: Gà được mổ khám ngay sau giết mổ. Toàn bộ đường tiêu hóa (thực quản, diều, dạ dày tuyến, dạ dày cơ, ruột non, manh tràng) được tách riêng, cắt dọc, rửa bằng nước muối sinh lý 0,9% trên khay men trắng để thu thập giun sán trưởng thành. Các ký sinh trùng được đếm, phân loại sơ bộ, cố định trong formalin 10% hoặc cồn 70°, sau đó làm trong bằng lactophenol và định danh dưới kính hiển vi quang học dựa trên hình thái học theo các tài liệu chuẩn [2, 4, 13]. Cường độ nhiễm được phân loại: nhẹ (<5 con/gà), trung bình (5-15 con/gà), nặng (>15 con/gà). Đồng thời ghi nhận triệu chứng lâm sàng (trước giết mổ) và bệnh tích đại thể (xuất huyết, viêm, loét, tắc ruột...).

Thu thập dữ liệu dịch tễ: Phòng vấn chủ cơ sở/tiểu thương bằng phiếu khảo sát thiết kế sẵn về nguồn gốc gà, phương thức nuôi, nhóm tuổi (ước lượng), giới tính, điều kiện vệ sinh, tiền sử tẩy giun. Mùa vụ được phân loại dựa trên thời gian lấy mẫu (mùa mưa: tháng 5-11; mùa khô: tháng 12-4).

Phân tích thống kê: Số liệu được nhập bằng Excel. Tỷ lệ nhiễm (%) và cường độ (trung bình ± SD) được tính. So sánh tỷ lệ giữa các nhóm sử dụng kiểm định Chi-square (χ^2) với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tỷ lệ và cường độ nhiễm chung

Trong tổng số 235 gà mổ khám, có 176 con nhiễm giun sán, chiếm tỷ lệ 74,9%. Cường độ nhiễm trung bình là 8,3 ± 4,2 giun sán/gà nhiễm. Tỷ lệ nhiễm cao nhất ghi nhận tại chợ Thanh Đa (88,6%), thấp nhất tại cơ sở Xuyên Á (62,9%). Gà thả vườn có tỷ lệ nhiễm (82,6%) cao hơn có ý nghĩa so với gà công nghiệp (60,0%) ($p < 0,01$). Tỷ lệ nhiễm ở gà mái (80,0%) cao hơn gà trống (69,1%) ($p = 0,038$). Nhóm tuổi 6-9 tháng có tỷ lệ nhiễm cao nhất (78,8%). Tỷ lệ nhiễm vào mùa mưa (83,3%) cao hơn rõ rệt so với mùa khô (66,1%) ($p = 0,0025$) (Bảng 1). Cường độ nhiễm cũng cao hơn ở gà mái (9,0/gà), gà thả vườn (10,6/gà) và mùa mưa (8,9/gà).

Bảng 1. Tỷ lệ và cường độ nhiễm giun sán theo một số yếu tố (n=235)

Yếu tố	Phân nhóm	Số kiểm tra	Số nhiễm (%)	Cường độ TB (con/gà nhiễm)	P
Loại hình	Gà công nghiệp	80	48 (60,0)	6,0	<0,01
	Gà thả vườn/lai	155	128 (82,6)	10,6	
Giới tính	Trống	110	76 (69,1)	7,6	0,038
	Mái	125	100 (80,0)	9,0	
Tuổi (tháng)	3-5	75	52 (69,3)	7,5	>0,05
	6-9	80	63 (78,8)	8,5	
	≥10	80	61 (76,3)	8,9	

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH NHIỄM GIUN SÁN ĐƯỜNG TIÊU HÓA Ở GÀ GIẾT MỒ TẠI PHƯỜNG BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Yếu tố	Phân nhóm	Số kiểm tra	Số nhiễm (%)	Cường độ TB (con/gà nhiễm)	P
Mùa vụ	Mùa khô	115	76 (66,1)	7,7	0,0025
	Mùa mưa	120	100 (83,3)	8,9	

3.2. Thành phần loài giun sán

Đã định danh được 10 loài giun sán, gồm 4 loài giun tròn (Nematoda): *Ascaridia galli* (phổ biến nhất, 38,6% trên tổng số gà nhiễm), *Heterakis gallinarum* (33,5%), *Capillaria obsignata* (19,9%), *Tetrameres fissispina* (8,0%); 3 loài sán dây (Cestoda): *Raillietina tetragona* (19,9%), *Raillietina echinobothrida* (14,8%), *Raillietina cesticillus* (10,2%); và 2 loài sán lá (Trematoda): *Echinostoma revolutum* (6,8%), *Echinoparyphium recurvatum* (4,5%). Nhiễm hỗn hợp ≥ 2 loài giun tròn chiếm 51,1% (90/176). Nhiễm phối hợp giun tròn và sán dây thường gặp.

3.3. Triệu chứng lâm sàng và bệnh tích

Các triệu chứng thường gặp nhất là tiêu chảy phân loãng hoặc có nhầy (36,4% gà nhiễm), phân lẫn máu (21,6%), thờ khò khè (26,1%). Bệnh tích đại thể chủ yếu ở ruột non (viêm cata, sung huyết: 53,4%; xuất huyết loét: 35,8%) và manh tràng (niêm mạc dày, sung huyết: 44,3%; xuất huyết từng mảng: 31,3%). Tắc ruột do *A. galli* ghi nhận ở 17,6% trường hợp nhiễm nặng. Ở dạ dày tuyến, xuất huyết điểm (22,2%) và phì đại tuyến vị (13,6%) cũng được quan sát, liên quan đến *T. fissispina*.

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nhiễm giun sán đường tiêu hóa ở gà giết mổ tại Bình Thạnh là 74,9%, tương đối cao so với một số nghiên cứu trong nước trước đây (25,9% tại Cần Thơ [7], 71,1-98,9% tại Bắc Ninh/Bắc Giang [8]) và tương đồng với nghiên cứu tại Trà Vinh (95,9%) [9] hay Ethiopia (90,6%) [10]. Sự khác biệt này có thể do điều kiện khí hậu nóng ẩm thuận lợi, mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ, thả vườn phổ biến tại TP.HCM và việc quản lý vệ sinh, tẩy giun chưa được chú trọng. Tỷ lệ nhiễm cao ở gà thả vườn (82,6%) so với gà công nghiệp (60,0%) phù hợp với nhiều tác giả [1, 8, 11], lý giải do gà thả vườn tiếp xúc trực tiếp với nền đất, phân, côn trùng, giun đất – vật chủ trung gian và môi trường chứa trứng giun sán.

Sự ưu thế của *A. galli* (38,6%) và *H. gallinarum* (33,5%) nhất quán với các báo cáo trong và ngoài nước [9, 10, 11]. Đây là các loài gây bệnh quan trọng nhất, ảnh hưởng đến năng suất. *H. gallinarum* còn là vật chủ trung gian cho *Histomonas meleagridis* gây viêm manh tràng hoại tử [4]. Sán dây thuộc giống *Raillietina* chiếm tỷ lệ khá cao (44,9% gà nhiễm), đặc biệt ở gà thả vườn do chu kỳ cần vật chủ trung gian là kiến, bọ cánh cứng [2, 4]. Phát hiện sán lá (*Echinostoma* spp.) với tỷ lệ thấp hơn (11,4%) cũng phản ánh đặc điểm địa phương có vùng ao hồ, ẩm ướt – môi trường thuận lợi cho ốc vật chủ trung gian [5].

Gà mái có tỷ lệ nhiễm cao hơn gà trống ($p < 0,05$), có thể do thời gian kiếm ăn dài hơn, dễ tiếp xúc nguồn bệnh hoặc thay đổi nội tiết, phù hợp với nghiên cứu tại Nam Phi [11] và Thái Lan [12]. Tuổi càng cao (≥ 10 tháng) có xu hướng cường độ nhiễm cao hơn do tích lũy ký sinh trùng theo thời gian, mặc dù tỷ lệ nhiễm có thể giảm nhẹ do miễn dịch [8]. Mùa mưa là yếu tố nguy cơ quan trọng ($p < 0,01$), vì độ ẩm cao kéo dài tạo điều kiện cho trứng giun sán phát triển và tồn tại lâu trong môi trường [3, 14], tương đồng với kết quả tại Ấn Độ [14]. Các bệnh tích viêm ruột, xuất huyết, tắc ruột phản ánh tác động cơ học và bệnh lý rõ rệt của giun sán [4, 5], làm giảm hấp thu dinh dưỡng và tăng nguy cơ bội nhiễm. Triệu chứng hô hấp (thờ khò khè, 26,1%) chủ yếu là thứ phát do suy giảm miễn dịch và thể trạng gầy yếu [3].

Hạn chế của nghiên cứu là cỡ mẫu chưa lớn, việc ước lượng tuổi và thu thập lịch sử tẩy giun dựa trên phỏng vấn có thể sai lệch. Nghiên cứu chưa sử dụng xét nghiệm phân song song để so sánh độ nhạy.

5. Kết luận

Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ nhiễm giun sán đường tiêu hóa ở gà giết mổ tại phường Bình Thạnh là 74,9% với 10 loài giun sán được định danh, trong đó *Ascaridia galli*, *Heterakis gallinarum* và *Raillietina tetragona* chiếm ưu thế. Tỷ lệ nhiễm cao hơn có ý nghĩa ở gà thả vườn, gà mái và vào mùa mưa. Bệnh tích tập trung chủ yếu tại ruột non và manh tràng.

Để kiểm soát hiệu quả, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp: (1) Tẩy giun định kỳ 2-3 tháng/lần cho gà thả vườn, luân phiên thuốc (albendazole, levamisole...); (2) Tăng cường vệ sinh chuồng trại, xử lý phân và chất thải bằng phương pháp ủ sinh học, sát trùng môi trường; (3) Kiểm soát chặt quy trình giết mổ, thu gom và xử lý nội tạng triệt để; (4) Nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi, tiểu thương và người tiêu dùng về an toàn thực phẩm; (5) Cơ quan thú y địa phương cần tăng cường giám sát, đặc biệt trong mùa mưa.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được hoàn thành nhờ sự hỗ trợ của Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn và sự hợp tác của các cơ sở giết mổ tại phường Bình Thạnh.

6. Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Văn Dũng. (2020). Khảo sát tình hình nhiễm giun sán đường tiêu hóa và bệnh tích liên quan ở gà nuôi tại Đồng Nai. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, 27(4), 45-52.
- [2] Soulsby, E. J. L. (1982). Helminths, Arthropods and Protozoa of Domesticated Animals (7th ed.). London: Baillière Tindall.
- [3] Permin, A., & Hansen, J. W. (1998). Epidemiology, Diagnosis and Control of Poultry Parasites. Rome: FAO.
- [4] Kaufmann, J. (1996). Parasitic Infections of Domestic Animals: A Diagnostic Manual. Basel: Birkhäuser Verlag.
- [5] Zajac, A. M., & Conboy, G. A. (2012). Veterinary Clinical Parasitology (8th ed.). Ames: Wiley-Blackwell.
- [6] WHO/FAO. (2021). Code of practice for food hygiene, CAC/RCP 1-1969, Rev. 2020. Rome: FAO.
- [7] Nguyễn Hồ Bảo Trân và cộng sự. (2011). Khảo sát tình hình nhiễm giun sán ký sinh đường tiêu hóa và một số chỉ tiêu sinh lý máu ở gà nuôi nhốt tại phường Bình Thủy, Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 18, 123-129.
- [8] Nguyễn Nhân Lùng. (2012). Nghiên cứu tình hình nhiễm

-
- giun sán đường tiêu hóa ở gà nuôi tại 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang và đề xuất biện pháp phòng trị. Tạp chí Thú y, 32(5), 45-52.
- [9] Nguyễn Thị Kim Quyên và cộng sự. (2020). Tình hình nhiễm giun sán ký sinh ở gà thả vườn tại tỉnh Trà Vinh. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 13(4), 62-69.
- [10] Berhe, M., Mekonnen, N., & Tadesse, G. (2013). Prevalence of gastrointestinal helminths in chickens under different management systems in Mekelle town, Ethiopia. *J. Vet. Med. Anim. Health*, 5(8), 221-227.
- [11] Mukaratirwa, S., & Khumalo, M. P. (2012). Prevalence of helminth parasites in free-range chickens from selected rural communities in KwaZulu-Natal, South Africa. *Afr. J. Agric. Res.*, 7(25), 3625-3630.
- [12] Unlayaphat, W., & Kaewthamasorn, K. (2020). Prevalence and risk factors associated with gastrointestinal helminth infections in free-range chickens in Northern Thailand. *Vet. World*, 13(6), 1151-1157.
- [13] Anderson, R. C. (2000). *Nematode Parasites of Vertebrates: Their Development and Transmission* (2nd ed.). Wallingford: CABI Publishing.
- [14] Naphade, S. T., & Chaudhari, K. V. (2010). Seasonal prevalence of helminth parasites in Gavran (Desi) fowls of Marathwada region of Maharashtra, India. *Indian J. Poult. Sci.*, 45(3), 351-353.